

Bản án số: 163/2021/HS-PT

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long.

Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 580/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo: Đặng Duy H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo Đặng Duy H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thuận Thành T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2019/HS-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2020/QĐPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020

Bị cáo có kháng cáo: Đặng Duy H, sinh năm 1953.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số 487/47C/95/13, đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Đặng Duy Đ (chết) và con bà Nguyễn Thị L (chết); Vợ (thứ nhất), bà Trương Thị B (chết); Vợ (thứ hai), bà Nguyễn Thị Yên T, sinh năm 1971; Bị cáo có 06 người con (lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 2011); Tiền án: Ngày 20/8/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân” và 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN”, tổng hợp hình phạt 12 năm tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 15/5/2004 tại Trại giam Thủ Đức- Bộ Công an nhưng chưa thực hiện xong trách nhiệm bồi thường dân sự; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1990, bị Tòa án nhân dân Quận

3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản XHCN”; Bị cáo bị truy nã ngày 24/6/2013; Bị bắt theo Lệnh truy nã ngày 05/7/2013; Bị tạm giữ ngày 05/7/2013; Bị tạm giam ngày 09/7/2013, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh ngày ngày 20/8/2014 (bị cáo đang tại ngoại- có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đỗ Hải B – Văn phòng luật sư Quốc Anh, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo: Công ty TNHH Thuận Thành
T

Địa chỉ: K1/62 ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lý Thị Ngọc H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 240 đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị hại:

1. Ban Quản lý dự án xây dựng huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Đường 3/2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H; Chức vụ: Phó giám đốc Ban quản lý dự án (vắng mặt).

2. Ban Quản lý dự án xây dựng huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 214A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần Bê tông Trường T.

Địa chỉ: Số 214A, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D; Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

2. Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Tấn B.

Chủ doanh nghiệp: Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 483/5, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị Yến T, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 487/47C/95/13, đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đặng Thị Thùy V, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 82/14/1, đường số 2, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Dương Thành N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 75/13A đường X 27, ấp 6, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. UBND xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân N (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 202, đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư K, phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Chị Trần Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

9. Chị Trần Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 235/9, đường P, phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Đinh Gia Q, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 179/28A, khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 379/6, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

12. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 312, khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Trong vụ án này, có một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, cũng không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Duy H là Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng-Thương mại Đặng H (Công ty Đặng H). Trụ sở chính tại số 54/19, khu phố 6, đường 48, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, xây dựng cầu đường, thủy lợi; Tư vấn xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội, ngoại thất; Môi giới thương mại; Mua bán hàng điện – điện tử - điện lạnh; Kinh doanh nhà hàng ăn uống. Vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, trong đó: H góp 15 tỷ đồng (chiếm 75% cổ phần), Nguyễn Thị Yên T (vợ của H) góp 03 tỷ đồng (chiếm 15% cổ phần) và Đặng Thị Thùy V (con của H) góp 02 tỷ đồng (chiếm 10% cổ phần). Thực chất, việc góp vốn của bà T và bà V chỉ là hình thức, còn toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ do một mình H quản lý điều hành.

Khoảng từ tháng 05/2011 đến tháng 12/2011, Công ty Đặng H đã trúng đấu thầu và H với tư cách đại diện Công ty đã ký hợp đồng thi công các công trình xây dựng với chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án xây dựng (Ban QLDA) huyện L và Ban QLDA huyện L. Sau đó, H ký hợp đồng giao khoán việc thi công lại cho Dương Thành N là nhân viên của Công ty Đặng H thực hiện. Nội dung hợp đồng giao khoán thể hiện: Khi chủ đầu tư chuyển tiền tạm ứng của từng công trình cho Công ty Đặng H thì H chuyển cho N 85% số tiền tạm ứng để thi công công trình, H giữ lại tiền thuế VAT và tiền bảo hành công trình theo qui định tổng cộng 15% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư. Nhưng H không thực hiện đúng như hợp đồng giao khoán, mà chỉ chi cho N một ít, còn lại Hoàng sử dụng vào mục đích khác và tiêu xài cá nhân dẫn đến không còn khả năng thi công các công trình theo hợp đồng đã ký với các Ban QLDA nêu trên.

Sau khi thỏa thuận chấm dứt hợp đồng với Ban QLDA huyện L và Ban QLDA huyện L thông báo chấm dứt hợp đồng thì Công ty Đặng H còn nợ tiền đã tạm ứng sau khi trừ đi khối lượng đã thực hiện đối với các hợp đồng với các Ban QLDA này. Tuy nhiên, H không thanh toán, đồng thời bán nhà cũng là trụ sở Công ty Đặng H tại số 54/19, khu phố 6, đường 48, phường H, quận T nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ, chiếm đoạt tiền tạm ứng của các Ban QLDA huyện L và huyện L số tiền 1.138.678.000 đồng, cụ thể:

1. Đối với Ban QLDA huyện L:

1.1 Hợp đồng thứ nhất: Ngày 18/5/2011, H ký hợp đồng xây dựng công trình Trường tiểu học Định An 2, với tổng giá trị hợp đồng là 2.941.171.000 đồng, H tạm ứng 30% giá trị hợp đồng là 882.000.000 đồng. Thời hạn thi công là 300 ngày tính từ ngày khởi công 19/5/2011, ngày hoàn thành là 19/3/2012. Nhưng đến ngày 20/3/2012 (đã hết hạn hợp đồng) chỉ thi công được 23% hạng mục công trình và ngừng thi công nên Ban QLDA huyện L đã cắt hợp đồng. Tổng giá trị khối lượng công trình đã thi công là 709.783.000 đồng nên H đã chiếm đoạt số tiền tạm ứng là 172.217.000 đồng.

1.2 Hợp đồng thứ hai: Ngày 06/12/2011, H ký hợp đồng xây dựng công trình Đường ĐH64 (đoạn từ cầu L đến Bệnh viện Đa khoa huyện L), với tổng giá trị hợp đồng là 5.897.000.000 đồng, H đã tạm ứng 20% giá trị hợp đồng là 1.179.000.000 đồng. Thời hạn thi công là 210 ngày tính từ ngày khởi công 13/12/2011, ngày hoàn thành là 13/7/2012. Nhưng đến ngày 26/3/2012, chỉ thi công được 8% hạng mục công trình và ngừng thi công. Tổng giá trị công trình đã thi công là 670.152.000 đồng nên H đã chiếm đoạt số tiền tạm ứng là 508.848.000 đồng.

1.3 Sau đó, các bên đã đối chiếu và lập biên bản xác nhận khối lượng đã thi công, số tiền H phải hoàn trả cho Ban QLDA là 681.065.000 đồng nhưng H không thực hiện và đã bán nhà rồi bỏ trốn. Như vậy, H đã chiếm đoạt của Ban QLDA huyện L 681.065.000 đồng.

2. Đối với Ban QLDA huyện L:

Ngày 26/9/2011, H ký hợp đồng xây dựng công trình “Đường nhựa Kênh Nhỏ Long Thắng”, với tổng giá trị hợp đồng 2.595.000.000 đồng. Đã tạm ứng 20% giá trị công trình là 519.000.000 đồng. Thời hạn thi công 110 ngày tính từ ngày khởi công 25/10/2011, hoàn thành ngày 20/02/2012. Nhưng đến ngày 26/4/2012, chỉ thi công được đào đất và lu nền. Tổng giá trị khối lượng đã thi công là 61.387.000 đồng. Sau đó, các bên đã đối chiếu và lập biên bản xác nhận khối lượng đã thi công, số tiền H phải hoàn trả cho Ban QLDA là 457.613.000 đồng nhưng H không thực hiện và đã bán nhà rồi bỏ trốn. Như vậy, H đã chiếm đoạt của Ban QLDA huyện L là 457.613.000 đồng.

3. Ngoài ra, H còn ký hợp đồng mua vật liệu xây dựng với Công ty Cổ phần Bê tông Trường T (Công ty Trường T) và Doanh nghiệp Tư nhân Huỳnh Tấn B (DNTN Huỳnh Tấn B) để cung cấp vật liệu xây dựng cho các công trình nói trên nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chiếm đoạt tiền, cụ thể:

Ngày 21/9/2011, H ký hợp đồng với ông Nguyễn Văn D- Giám đốc Công ty Trường T cung cấp công tròn bê tông cốt thép đúc sẵn cho Công ty Đặng H, trị giá là 745.940.800 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Trường T đã giao hàng cho Công ty Đặng H nhưng H không thanh toán, chiếm đoạt 304.103.910 đồng. Ngày 01/7/2011 và 11/11/2011, H ký hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng với ông Huỳnh Tấn B cung cấp vật liệu cho 02 công trình Đường ĐH64 và Trường tiểu học Định An 2. Sau khi ký hợp đồng, DNTN Huỳnh Tấn B đã giao hàng cho Công ty Đặng H (do Dương Thành N đại diện nhận) nhiều lần, tổng giá trị hàng hóa là 644.000.000 đồng, H chỉ thanh toán 464.000.000 đồng, còn nợ 180.000.000 đồng. Tổng số tiền H còn nợ của Công ty Trường T và DNTN Huỳnh Tấn B là 484.103.910 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2016/HS-ST ngày 22/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Duy H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử Phạt: Bị cáo Đặng Duy H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2013 đến ngày 20/8/2014.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 608, Điều 305 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Duy H phải có trách nhiệm hoàn trả cho:

1. Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Lấp V: 681.065.000 đồng.
2. Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Lai V: 457.613.000 đồng.
3. Công ty cổ phần Bê tông Trường T: 304.103.910 đồng.
4. DNTN Huỳnh Tấn B: 180.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 557/2017/HS-PT ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: Hủy Bản án sơ thẩm số 28/2016/HS-ST ngày 22/7/2016, với lý do: UBND xã Thới Tam T còn nợ Công ty Đăng H 600.000.000 đồng, được cơ quan điều tra kê biên; Công ty Đăng H còn thi công công trình nào khác? Và các đơn vị này còn nợ hay không? Số tiền đã nhận tạm ứng thì H sử dụng vào việc gì? Nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nên việc kết luận bị cáo H chiếm đoạt số tiền đã tạm ứng của các Ban QLDA huyện Lấp V, Lai V là chưa đủ căn cứ vững chắc. Đối với hành vi bỏ trốn, bị cáo xác nhận đã bán căn nhà số 54/19, khu phố 6, đường 48, phường H, quận T và thuê nhà số 12/19B đường số 49, phường H, quận T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có việc bị cáo bỏ trốn hay không? Cũng chưa xác minh tại cơ quan thuế và đăng ký kinh doanh quận T về việc sau khi chuyển đến thuê chỗ mới thì bị cáo có thông báo để các cơ quan này biết, quản lý hay không?

Quá trình điều tra lại, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tiếp tục truy tố Đặng Duy H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền do Hoàng chiếm đoạt của các Ban QLDA huyện Lai V và Lấp V nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát đã rút quyết định truy tố đối với H về số tiền còn nợ Công ty Trường T và DNTN Huỳnh Tấn B.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quyết định:

Áp dụng khoản 4, Điều 175; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, h, khoản 1, Điều 52, Điều 54 của Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Duy H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Đặng Duy H 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2013 đến ngày 20/8/2014.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Duy H phải có trách nhiệm trả lại cho:

3.1. Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Lấp V: 681.065.000 đồng.

3.2. Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Lai V: 457.613.000 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý trả số tiền mua vật liệu xây dựng, như sau:

- Công ty Cổ phần Bê tông Trường T: 304.103.910 đồng.

- DNTN Huỳnh Tấn B: 120.000.000 đồng.

4. Về tài sản tạm giữ, kê biên: Căn cứ Điều 128 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục quản lý tài sản của bị cáo H gồm: Tiền ông Nguyễn Viết T nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC46) số tiền 100.000.000 đồng (mượn cá nhân bị cáo) và bị cáo nộp khắc phục 50.000.000 đồng vào ngày 27/5/2014 theo biên lai số 13140 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm nộp lại số tiền 644.984.829 đồng (theo Quyết định kê biên ngày 12/3/2015 của Công an tỉnh Đồng Tháp) để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/8/2019, bị cáo Đặng Duy H kháng cáo, đề nghị Tòa án tuyên không phạm tội.

Ngày 18/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng.

Ngày 07/9/2019, Công ty TNHH Thuận Thành T (Công ty Thuận Thành T) kháng cáo đề nghị hủy phần kê biên đối với số tiền của Công ty Đặng H hiện đang lưu giữ giữ tại UBND xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị cáo H giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Bị cáo H trình bày:

Trước đây, Công ty Đặng H có đăng ký trụ sở hoạt động tại số 54/19, khu phố 6, đường 48, phường H, quận T. Bị cáo cũng ở tại địa chỉ này. Khoảng tháng 10/2012 thì bán nhà và chuyển đến thuê nhà số 12/19B, đường 49, phường H. Khi chuyển nơi ở thì bị cáo không thông báo cho các Ban QLDA huyện Lấp V, Lai V biết, không làm thủ tục tại cơ quan quản lý doanh nghiệp quận T để chuyển trụ sở Công ty Đặng H về số 12/19B, cũng không đăng ký tạm trú tại Công an phường H mà chỉ báo miệng cho cảnh sát khu vực và cán bộ chuyển quản thuộc Chi cục Thuế quận T.

Bị cáo xác nhận còn nợ tiền của Ban QLDA huyện Lai V và Lấp V, tổng cộng là 1.138.678 đồng. Hiện nay, chưa trả số tiền trên. Năm 2012, vợ bị cáo (bà T) có bán nhà số 54/19 được khoảng 800.000.000 đồng, số tiền bán nhà dùng để trả nợ cũ của Công ty Đặng H. Sau khi nhận được tiền tạm ứng của các Ban QLDA thì bị cáo sử dụng một phần để mua vật liệu xây dựng công trình, một phần trả nợ của các công trình khác, một phần chuyển cho bà T (vợ) và V (con) để thanh toán tiền lương cho nhân viên Công ty Đặng H.

Do bị cáo không có hành vi bỏ trốn, không chiếm đoạt tiền của các Ban QLDA nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Bà Nguyễn Thị Yến T trình bày: Bà là vợ H. Công ty Đặng H có 3 thành viên là bà T, bà V và ông H nhưng ông H là người quyết định hoạt động của Công ty. Năm 2012, ông H và bà đã bán căn nhà số 54/19, số tiền bán được dùng

hoàn toàn để thanh toán nợ cũ của Công ty Đăng H theo yêu cầu của ông H. Trước đó, khi nhận tiền tạm ứng của các Ban QLDA thì bà và bà V (là con) có nhận một số tiền nhưng dùng để trả tiền lương cho nhân viên Công ty Đăng H, không phải sử dụng cá nhân.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 5 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, kê biên tài sản, án phí theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan, Công ty Thuận Thành T kháng cáo về phần kê biên tài sản đối với số tiền do UBND xã Thới Tam T còn nợ Công ty Đăng H, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định: H với tư cách là giám đốc Công ty Đăng H đã trúng thầu và đã ký hợp đồng với Ban QLDA huyện Lai V và huyện Lấp V. Sau khi ký hợp đồng thì Công ty Đăng H đã triển khai thực hiện dự án. Tuy nhiên, do không bảo đảm tiến độ thi công vì Công ty không có năng lực tài chính nên các Ban QLDA trên đã chấm dứt hợp đồng với Công ty Đăng H. Vì vậy, H phải có nghĩa vụ thanh toán tạm ứng cho 2 Ban QLDA huyện Lai V và Lấp V số tiền 1.138.678.000 đồng nhưng H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đồng thời bán nhà, cũng là nơi đăng ký hoạt động của Công ty Đăng H và chuyển đi nơi khác, không đăng ký tạm trú, không báo cho chủ đầu tư biết, không báo cho cơ quan thuế, cơ quan lý doanh nghiệp để thực hiện việc thay đổi địa chỉ kinh doanh. Như vậy, bị cáo H đã có hành vi trốn tránh trách nhiệm để chiếm đoạt số tiền 1.138.678.000 đồng của Ban QLDA huyện Lai V và huyện Lấp V. Số tiền Công ty Đăng H bảo đảm thực hiện hợp đồng đã được giải quyết theo hợp đồng giữa các bên, không được trừ vào số tiền bị cáo chiếm đoạt là đúng. Số tiền do Cơ quan điều tra kê biên và số tiền do bị cáo H nộp chỉ là tiền để khắc phục hậu quả, không thể cản trừ số tiền đã chiếm đoạt. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, không oan nên kháng cáo của bị cáo H là không có căn cứ. Tuy nhiên, hình phạt 5 năm tù đối với bị cáo là không nghiêm. Đối với kháng cáo của Công ty Thuận Thành T, Cơ quan điều tra đã kê biên số tiền của UBND xã Thới Tam T là đúng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo kêu oan của bị cáo H, bác kháng cáo của Công ty Thuận Thành T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt bị cáo H từ 9 đến 10 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày:

Bản án sơ thẩm lần thứ nhất đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy với lý do chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, khi điều tra lại cũng không làm rõ được các vấn đề

do bản án phúc thẩm nêu ra nhưng bản án sơ thẩm lần thứ hai vẫn kết tội và xử phạt bị cáo 5 năm tù là không đúng. Vấn đề phải làm rõ là bị cáo phải bỏ trốn và có hành vi chiếm đoạt mới cấu thành tội danh này.

Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không thể hiện bị cáo bỏ trốn. Biên bản xác minh của Công an phường H chỉ thể hiện bị cáo không đăng ký tạm trú, mà không có nội dung bị cáo bỏ trốn. Thực tế, bị cáo sau khi bán nhà số 54/19, đường 48 đã thuê nhà số 12/19B, đường 49 và đã báo miệng cho cảnh sát khu vực, còn việc cập nhật tạm trú là trách nhiệm quản lý nhà nước của cảnh sát khu vực và Công an phường. Việc cho rằng bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.138.678.000 đồng là không đúng mà phải trừ số tiền mà Công ty Đăng H đã nộp để bảo lãnh thực hiện hợp đồng, số tiền cơ quan điều tra đã kê biên tại UBND xã T và số tiền bị cáo đã khắc phục hậu quả trong giai đoạn điều tra. Nếu khấu trừ số tiền trên thì bị cáo không chiếm đoạt tiền của các Ban QLDA.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Bị cáo H thống nhất nội dung bào chữa của Luật sư và bổ sung: Tiền tạm ứng của các Ban QLDA được sử dụng một phần để mua vật liệu xây dựng thi công công trình, một phần trả nợ cũ của Công ty, một phần chuyển cho bà T(vợ) và V (con) để thanh toán tiền lương cho nhân viên Công ty Đăng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Đăng Duy H và Công ty Thuận Thành T kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo H, thấy rằng: Mặc dù, quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H có thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu nhưng cho rằng không phạm tội và kêu oan. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định về hành vi phạm tội của bị cáo H như sau:

[2.1] Bị cáo Hoàng là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đăng H. Với tư cách giám đốc Công ty, bị cáo đã ký hợp đồng với Ban QLDA huyện Lập V để thi công xây dựng công trình: Trường tiểu học Định An 2 và Đường ĐH64; ký hợp đồng với Ban QLDA huyện Lai V để thi công xây dựng công trình: Đường nhựa Kênh nhỏ - Long Thắng. Tổng số tiền bị cáo Hoàng đã tạm ứng theo các hợp đồng nêu trên là 2.580.000.000 đồng, gồm: Tạm ứng 882.000.000 đồng của Công trình Trường tiểu học Định An 2; 1.179.000.000 đồng của Công trình Đường ĐH64 và 519.000.000 đồng của Công trình đường nhựa Kênh Nhỏ Long Thắng.

Việc bị cáo ký kết hợp đồng với các Ban QLDA huyện Lấp V và huyện Lai V, đồng thời nhận số tiền tạm ứng theo các hợp đồng đã ký kết được xác định là các giao dịch ngay tình.

[2.2] Theo các hợp đồng đã ký kết thì thời gian hoàn thành đối với công trình Trường tiểu học Định An 2 là ngày 19/3/2012, công trình Đường ĐH64 là ngày 13/7/2012 và công trình Đường nhựa Kênh nhỏ - Long Thắng là ngày 25/10/2011. Tuy nhiên, quá thời hạn nêu trên, Công ty Đặng H chỉ thực hiện được tổng khối lượng thi công là 709.783.000/2.941.171.000 đồng (đối với công trình Trường tiểu học Định An 2), 470.320.000/5.897.000.000 đồng (đối với công trình Đường ĐH64) và 61.387.000/2.595.000.000 đồng (đối với công trình Đường nhựa Kênh nhỏ - Long Thắng).

[2.3]. Kết quả điều tra và điều tra lại đã xác định:

[2.3.1] Về hành vi bị cáo Hoàng bỏ trốn: Trụ sở Công ty Đặng H tại số 54/19, khu phố 6, đường 48, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, cũng là nơi ở của H nhưng H đã bán căn nhà trên và không thông báo của các Ban QLDA huyện Lấp V, huyện Lai V biết. Qua xác minh, Công an phường H, quận T xác nhận: Sau khi bán nhà, cũng là trụ sở Công ty tại số 54/19, khu phố 6, đường 48, phường H, H đi đâu, làm gì không rõ; Từ tháng 10/2012 đến 05/7/2013, H không có trình báo, đăng ký tạm trú tại số 12/19B, phường H theo quy định của Luật Cư trú. Tại văn bản ngày 27/5/2013, Phòng Kinh tế quận T xác nhận: Công ty Đặng H đã ngưng hoạt động và bỏ địa điểm kinh doanh tại trụ sở Công ty và Văn phòng đại diện, không thông báo đến Phòng Kinh tế biết. Tại văn bản ngày 13/12/2018, Chi cục Thuế quận T xác nhận: Từ khi thành lập đến ngày 18/12/2015 (thời điểm cơ quan Thuế ra thông báo cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh) Công ty Đặng H chỉ đăng ký với cơ quan Thuế địa chỉ là số 54/19, khu phố 6, đường 48, phường H, quận T. Ngoài ra, không có địa chỉ nào khác. Kết quả xác minh của Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số: 22CATĐ-HBC ngày 29/11/2018, thể hiện: Từ tháng 10/2012 đến ngày 24/6/2013 H không tạm trú tại số 12/19B, đường 49, khu phố 7, phường H, quận T. Xác nhận tạm trú ngày 30/9/2016 của Công an phường H là xác nhận H tạm trú tại thời điểm xác nhận.

Như vậy, có căn cứ xác định bị cáo H đã xác nhận nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.138.678.000 đồng đối với Ban QLDA huyện Lai V và huyện Lấp V nhưng H đã có hành vi trốn tránh nghĩa vụ.

[2.3.2] Về hành vi chiếm đoạt tiền tạm ứng của các Ban QLDA huyện Lấp V và huyện Lai V: Tổng số tiền mà bị cáo H đã nhận tạm ứng theo hợp đồng là 2.580.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Đặng H, mở tại Ngân hàng Thương mại Kỹ thương Việt Nam-Phòng Giao dịch Đông Sài Gòn. Sau đó, H đã ký séc chuyển cho Dương Thành N một phần để thi công, phần còn lại thì H rút ra để trả nợ tiền mua vật liệu xây dựng của DNTN Huỳnh Tấn B, còn lại thì sử dụng vào mục đích cá nhân, như chuyển cho vợ, con, tiêu sài cá nhân là 1.138.678.000 đồng. Kết quả điều tra cũng xác định: Trước khi ký hợp đồng với Ban QLDA huyện Lai V và huyện Lấp V thì Công ty Đặng H đã nợ nhiều đơn vị cá nhân, cụ thể: Nợ Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông

Bên T số tiền 1.734.721.628 đồng, H đã trả được 200.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng có nguồn gốc là tiền tạm ứng của Ban QLDA huyện Lấp Vò; Nợ Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông 61 số tiền 593.020.000 đồng, H đã trả được 50.000.000 đồng là nguồn tiền tạm ứng của Ban QLDA huyện Lấp Vò; Nợ Công ty TNHH Thuận Thành T 594.228.970 đồng; Nợ ông Hoàng Ngọc Q 140.000.000 đồng. Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 06/8/2018 (bút lục 1722), Hoàng khai: Tại thời thi công 3 công trình theo hợp đồng với Ban QLDA huyện Lai V và Lấp V thì Công ty Đặng H còn thực hiện dự án tại xã Thới Tam T, huyện H và công trình chợ Lộc Đ, huyện L, tỉnh Bình Phước. Kết quả điều tra thể hiện: Việc Công ty Đặng H đầu tư dự án tại xã T, huyện H là có thật và UBND xã T hiện còn nợ Công ty Đặng H số tiền 644.984.829 đồng, đã được Công an tỉnh Đồng Tháp kê biên ngày 12/3/2015. Đối với công trình chợ Lộc Đ, huyện L, tỉnh Bình Phước thì bị cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đầu tư công trình này.

[2.3.3] Như vậy, có căn cứ xác định sau khi đã xác nhận số tiền phải thanh toán cho Ban QLDA huyện L và huyện Lấp V thì H đã bán nhà nhưng không sử dụng tiền để thanh toán nghĩa vụ nêu trên, khi thay đổi nơi cư trú nhưng không báo cho Ban QLDA huyện Lai V và huyện Lấp V biết, không thực hiện việc khai báo, đăng ký tạm trú; Đồng thời cũng không thông báo và làm thủ tục thay đổi địa điểm kinh doanh với cơ quan thuế, cơ quan quản lý doanh nghiệp quận T nhằm chiếm đoạt số tiền đã nhận tạm ứng là 1.138.678.000 đồng.

[2.3.4] Người bào chữa của bị cáo cho rằng phải trừ số tiền do Công ty Đặng H bảo lãnh thực hiện hợp đồng, số tiền đã kê biên tại UBND xã T và số tiền bị cáo đã khắc phục hậu quả vào số tiền mà bị cáo còn nợ 1.138.678.000 đồng, thấy rằng: Bị cáo H đã xác nhận nghĩa vụ thanh toán 1.138.678.000 đồng cho các Ban QLDA huyện Lai V và Lấp V nhưng đã có hành vi trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên tội phạm đã hoàn thành. Số tiền do Cơ quan điều tra kê biên và số tiền do bị cáo H nộp chỉ là tiền để khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình. Đối với số tiền Công ty Đặng H bảo đảm thực hiện hợp đồng được giải quyết theo hợp đồng giữa các bên. Vì vậy, ý kiến của người bào chữa là không có cơ sở.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 4, Điều 175 của Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, không oan. Bị cáo H phạm tội lần này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, phạm tội 2 lần trở lên nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là đúng. Nhưng khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 5 năm tù là không tương xứng với tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với bị cáo H; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo H.

[3] Đối với kháng cáo của Công ty Thuận Thành T:

[3.1] Ngày 13/10/2010, Công ty Đặng H, do bị cáo Hoàng là người đại diện theo pháp luật và UBND xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng thi công: Công trình nâng cấp, mở rộng tuyến Thới Tam Thôn 11A. Công ty Đặng H đã thực hiện xong hợp đồng và UBND xã T còn có nghĩa vụ thanh toán 644.984.829 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng trên được ký kết giữa UBND xã T với Công ty Đặng H, không phải là hợp đồng với cá nhân H.

[3.2] Quá trình điều tra đã xác định: Mặc dù, về hình thức Công ty Đặng H do 3 thành viên là H, bà Nguyễn Thị Yến T (là vợ) và bà Đặng Thị Thùy V (là con) góp vốn nhưng thực tế thì toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty do H quyết định; Các bà T, V không tham gia bàn bạc, không sử dụng số tiền do H chiếm đoạt. Vì vậy, cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của bà T và bà V là phù hợp nên việc không đưa Công ty Đặng H tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3.3] Bản án kinh doanh thương mại số 13/2014/KDTM ngày 26/5/2014 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: Buộc Công ty Đặng H trả cho Công ty Thuận Thành T số tiền 677.074.764 đồng tiền gốc và 112.845.794 đồng tiền lãi. Ngày 12/3/2015, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã kê biên số tiền 644.984.829 đồng nêu trên. Việc kê biên đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự; Tại thời điểm kê biên thì cơ quan thi hành án dân sự chưa có quyết định kê biên số tiền này để thi hành Bản án kinh doanh thương mại số 13/2014/KDTM nêu trên.

[3.4] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử lý tài sản kê biên ngày 12/3/2015 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp và buộc UBND xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nộp số tiền 644.984.829 đồng trên để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị cáo H là đúng pháp luật nên kháng cáo của Công ty Thuận Thành T không có căn cứ chấp nhận.

[4] Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo và kháng cáo của Công ty Thuận Thành T; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo H và giữ nguyên bản án về phần trách nhiệm dân sự. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Tại Cáo trạng (dựa theo kết quả điều tra lại) số 05/CT-VKSĐT-P3 ngày 12/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn quyết định truy tố Đặng Duy H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền còn nợ Công ty Cổ phần Bê tông Trường T và DNTN Huỳnh Tấn B. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/8/2019 Viện kiểm sát đã rút quyết định truy tố đối với số tiền 484.103.910 đồng của Công ty Trường T và DNTN Huỳnh Tấn B. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hoàng đã đồng ý trả Công ty Trường T 304.103.910 đồng và DNTN Huỳnh Tấn B 120.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự

nguyên trên của bị cáo H trong bản án sơ thẩm là đúng. Bị cáo cũng không kháng cáo nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đặng Duy H.
2. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thuận Thành T.
3. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt.
5. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Duy H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.
6. Áp dụng khoản 4, Điều 175; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, h, khoản 1, Điều 52, Điều 54 của Bộ Luật hình sự năm 1015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo: Đặng Duy H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2013 đến ngày 20/8/2014.
7. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Đặng Duy H phải có trách nhiệm:
 - 7.1. Thanh toán cho Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Lấp V: 681.065.000 (*sáu trăm tám mươi một triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn*) đồng.
 - 7.2. Thanh toán cho Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Lai V: 457.613.000 (*bốn trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm mười ba ngàn*) đồng.
8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bị cáo chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, đến khi thi hành xong.
9. Về tài sản tạm giữ, kê biên: Căn cứ Điều 128 Bộ luật tố tụng hình sự:
 - 9.1 Tiếp tục quản lý tài sản của bị cáo H gồm: Tiền ông Nguyễn Viết T nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC46) số tiền 100.000.000 đồng (mượn cá nhân bị cáo) và bị cáo nộp khắc phục 50.000.000 đồng vào ngày 27/5/2014 theo biên lai số 13140 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

9.2 Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm nộp lại số tiền 644.984.829 đồng (theo quyết định kê biên ngày 12/3/2015 của Công an tỉnh Đồng Tháp) để bảo đảm thi hành án.

10. Về án phí:

10.1 Án phí sơ thẩm: Bị cáo Đặng Duy H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 58.883.000 (năm mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

10.2 Án phí phúc thẩm: Bị cáo Đặng Duy H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

10.3 Công ty TNHH Thuận Thành T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

12. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VP (3), Hồ sơ (2), (án NTMD).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đức Phương